

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P1c**

Bản án số: 39/2019/HS-ST

Ngày: 15-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sùng A Xà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Vũ.

2. Ông Đặng Văn Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2019/HSST ngày 24 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HS ngày 28/6/2019 đối với các bị cáo:

1. Vàng A T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 15/7/1994, tại huyện Th, tỉnh Sơn La.

Nơi cư trú: Bản P, xã M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Sáy S (đã chết) và bà Vàng Thị L (tên gọi khác: Phá Thị L), sinh năm 1964; có vợ Lầu Thị O, sinh năm 1998 và 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/7/2018 đến ngày 08/7/2018, tạm giam từ ngày 09/7/2018 tại trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Sùng A T1 (tên gọi khác: Không), sinh năm 1994, tại huyện Đ1, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản C, xã Ch, huyện Đ1, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Gà N, sinh năm 1962 và bà Vàng Thị U, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/7/2018 đến

ngày 08/7/2018, tạm giam từ ngày 09/7/2018 tại trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Sinh A P1 (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14/6/1995, tại huyện Đ1, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Bản X, xã Ph, huyện Đ1, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sinh Gà N (đã chết) và bà Cháng Thị Ch1, sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giam từ 12/8/2018 tại trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thanh H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 19/8/1994, tại huyện Đ2, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Đội 5, xã P2, huyện Đ2, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M1 (đã chết) và bà Vương Thị Ch2, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ từ ngày 04/7/2018 đến ngày 08/7/2018, tạm giam từ ngày 09/7/2018 tại trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vàng A T do Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên chỉ định:* Ông Nguyễn Trần D - Luật sư, Văn phòng Luật sư Trần D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (Số thẻ Luật sư: 6412/TP/LS-CCHN, Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp ngày 25/7/2011) (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Sùng A T1 do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên cử:* Bà Trần Thị S1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Số thẻ TGVPL: 08, do UBND tỉnh Điện Biên cấp ngày 14/6/2011) (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H do Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên chỉ định:* Ông Nguyễn Quang Kh - Luật sư, Văn phòng Luật sư A1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (Số thẻ Luật sư: 9953/TP/LS-CCHN, Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp ngày 19/6/2015) (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Sinh A P1 do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên cử:* Bà Lê Thị X1 - Luật sư, Văn phòng Luật sư C1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Điện Biên (Số thẻ Luật sư: 9945/TP/LS-CCHN, Liên đoàn Luật sư Việt Nam cấp ngày 19/6/2015), Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ giữa tháng 6/2018 đến ngày 03/7/2018 Vàng A T, Sùng A T1, Sinh A P1, Nguyễn Thanh H đã 02 (hai) lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, cụ thể:

Lần 1. Khoảng giữa tháng 6/2018, Nguyễn Thanh H gọi điện cho Vàng A T đặt mua 02 túi ma túy loại Methamphetamine giá 4,5 triệu đồng/01 túi. T kể cho Sùng A T1 là em họ của T nghe việc H đặt mua ma túy, T1 đã gọi điện thoại cho Sinh A P1 thì được biết P1 đang có ma túy. T1 cho T số điện thoại của P1, sau đó T đã gọi cho P1 đặt vấn đề mua nợ của P1 02 túi ma túy loại Methamphetamine với giá 04 triệu đồng/01 túi. P1 đã gọi cho người quen trước đây của P1 tên là Hờ A Ch3 ở bên Lào, mua chịu 05 túi ma túy loại Methamphetamine với giá 02 triệu đồng/ 01 túi. P1 điều khiển xe máy đi đến khu vực biên giới Việt Nam – Lào thuộc bản G, xã N1, huyện Đ2 gặp và mua được của Ch3 05 túi ma túy loại Methamphetamine; khi giao Ch3 nói mỗi túi đủ 200 viên, mua được ma túy P1 đem về nhà và cất giấu trong cốp xe. Ngày hôm sau T rủ T1 đi lấy ma túy chỗ P1 về bán cho H để kiếm lời, tiền lãi chia đôi, T1 đồng ý và điều khiển xe máy chở T đến đèo Z, huyện Đ1 gặp và mua chịu của P1 02 túi ma túy loại Methamphetamine với giá 08 triệu đồng; khi giao P1 nói mỗi túi đủ 200 viên. Mua được 02 túi ma túy, T và T1 mang về khu vực xã N2, huyện Điện Biên bán cho H với giá 09 triệu đồng. T mang 08 triệu đồng trả cho P1, còn 01 triệu đồng chia nhau mỗi người 500.000 đồng, đã chi tiêu cá nhân hết. H mua được ma túy mang về sử dụng và bán lẻ cho nhiều người qua đường không biết tên với giá 70.000 đồng/01 viên, số tiền bán ma túy H đã chi tiêu hết.

Lần 2. Ngày 02/7/2018, Nguyễn Thanh H gọi điện cho Vàng A T đặt mua 02 túi ma túy loại Methamphetamine về sử dụng và bán lẻ. T tiếp tục gọi điện cho Sinh A P1 hỏi mua nợ 02 túi ma túy loại Methamphetamine; P1 bảo còn 03 túi muốn bán. T đồng ý mua cả 03 túi với giá 04 triệu đồng/01 túi. Khoảng 19 giờ ngày 03/7/2018, T và T1 đi chung một xe máy của T1 đến khu vực Trại B, xã K, huyện Đ2, tỉnh Điện Biên gặp và mua nợ của P1 03 túi ma túy loại Methamphetamine. Sau khi mua được ma túy T đưa cho T1 cất giấu vào cặp quần đang mặc, T điều khiển xe máy chở T1 đi về đến khu vực bản Y, xã K, huyện Đ2, tỉnh Điện Biên thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Đến ngày 04/7/2018, Nguyễn Thanh H bị bắt khẩn cấp. Ngày 12/8/2018 Sinh A P1 bị bắt.

Tại Biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng hồi 14 giờ 30 P1t ngày 05/7/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên xác định 03 túi chứa 587 viên ma túy tổng hợp thu giữ của Vàng A T, Sùng A T1. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên giám định vật chứng thu giữ của T và T1 có phải là chất ma túy không ? Là chất ma túy thì loại chất ma túy gì ? Khối lượng bao nhiêu ?

Tại Bản Kết luận giám định số 649/GĐ-PC54, ngày 11/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 03 (ba) mẫu viên nén màu hồng, màu xanh trích ra từ vật chứng thu giữ của Sùng A T1 gửi giám định là ma túy: Loại Methamphetamine.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Sùng A T1 là 60,12 gam,

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã có Công văn số: 487/CV ngày 03/10/2018 gửi Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an đề nghị xác định số lượng, khối lượng chất ma túy:

- Số lượng trung bình của 01 túi (gói) nilon có hình dạng, kích thước nêu trên dùng để đựng viên ma túy, loại viên Methamphetamine, là bao nhiêu viên?

- Khối lượng trung bình của 01 viên ma túy, loại viên Methamphetamine có màu hồng và màu xanh là bao nhiêu gam?

Tại Công văn trả lời số 1505/C09(TT2) ngày 24/10/2018 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an xác định:

- Thành phần ma túy có trong các viên là Methamphetamine.

- Khối lượng trung bình 01 (một) viên dao động từ 0,09 gam đến 0,10 gam.

Như vậy, tổng khối lượng Methamphetamine các bị cáo Vàng A T, Sùng A T1, Sinh A P1 đã mua là 96,12 gam (Lần 1: 02 túi x 200 viên x 0,09 gam = 36,0 gam; Lần 02: 03 túi = 60,12 gam). Tổng khối lượng Methamphetamine bị cáo Nguyễn Thanh Hải đã mua bán là 76,08 gam (Lần 01: 02 túi = 36,0 gam; Lần 02: 02 túi = 40,08 gam).

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKS-P1 ngày 22/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Vàng A T, Sùng A T1, Sinh A P1, Nguyễn Thanh H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên ngồi duy trì công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo; áp dụng điểm r Khoản 1 Điều 51 BLHS đối với hai bị cáo Vàng A T và Sùng A T1; áp dụng Khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Sinh A P1, Nguyễn Thanh H, Vàng A T; áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 BLHS đối với các bị cáo; áp dụng Điều 15 đối với bị cáo Nguyễn Thanh H; tuyên phạt các bị cáo Vàng A T, Sùng A T1, Sinh A P1, Nguyễn Thanh H phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Vàng A T từ 18 năm đến 18 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Sùng A T1 từ 18 năm đến 18 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Sinh A P1 từ 18 năm 06 tháng đến 19 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 17 năm đến 17 năm 06 tháng tù. Không truy thu số tiền do các bị cáo phạm tội mà có.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo Sùng A T1, bị cáo Sinh A P1; buộc hai bị cáo Vàng A T, Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Những người bào chữa cho các bị cáo cơ bản đồng thuận với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H đề nghị không áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo H; Luật sư bào chữa cho bị cáo Sinh A P1 đề nghị áp dụng điểm r Khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo P1.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và không bổ sung thêm lời bào chữa của các vị luật sư bào chữa; nói lời sau cùng bị cáo Vàng A T, Sùng A T1, Sinh A P1, Nguyễn Thanh H đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội của các bị cáo theo quyết định truy tố:

Tại phiên tòa, các bị cáo Vàng A T, Sùng A T1, Sinh A P1 và Nguyễn Thanh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát vừa công bố là đúng. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các bản hỏi cung của các bị cáo khai nhận tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào hồi 22 giờ 00 phút ngày 03/7/2018 đối với Vàng A T, Sùng A T1, vật chứng thu giữ là 03 túi nilon màu xanh; phù hợp với kết luận giám định: là chất ma túy, Loại Methamphetamine, có khối lượng 60,12 gam.

Các bị cáo tham gia mua bán trái phép chất ma túy lần 01 vào giữa tháng 6/2018 gồm 02 túi có khối lượng 36,0 gam chất ma túy loại Methamphetamine.

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để xác định: Các bị cáo Vàng A T, Sùng A T1, Sinh A P1 mua bán trái phép chất ma túy hai lần có khối lượng 96,12 gam Methamphetamine, nhằm mục đích bán kiếm lời. Bị cáo Nguyễn Thanh H tham gia mua bán trái phép chất ma túy hai lần có khối lượng 76,08 gam Methamphetamine, nhằm mục đích bán kiếm lời và sử dụng cho bản thân.

Xét thấy hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét về tính chất vụ án, HĐXX thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 9 BLHS. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì mục đích tư lợi, các bị cáo đã bất chấp pháp luật của Nhà nước và cố ý thực hiện hành vi phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi đó của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý về các chất ma túy của Nhà nước.

Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là những người thực hành tích cực. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo, để trừng phạt những người có hành vi phạm tội và giáo dục phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Các bị cáo đều có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 BLHS. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội do hoàn cảnh gia đình khó khăn, sự nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bởi vậy, Hội đồng xét xử xem xét cần áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo; sau khi bị bắt hai bị cáo Vàng A T và Sùng A T1 tự nguyện khai ra việc phạm tội trước đó nên cần áp dụng điểm r Khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo T và bị cáo T1.

Bị cáo Vàng A T có ông nội là Vàng Dúa P3 được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất; em trai của ông nội là Vàng A S2 được Tổ quốc ghi công là Liệt sỹ; bản thân bị cáo khi tham gia nghĩa vụ quân sự đã hai năm liền (Năm 2016 và năm 2017) được tặng Danh hiệu Chiến sỹ tiên tiến.

Bị cáo Sinh A P1 có ông nội Sinh Ghia S3 được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.

Bị cáo Nguyễn Thanh H có ông ngoại là liệt sỹ Vương Văn Đ3 được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất.

Do đó 03 bị cáo Vàng A T, Sinh A P1, Nguyễn Thanh H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, vị đại diện VKSND tỉnh Điện Biên đã đề nghị HĐXX áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 251 BLHS và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo. HĐXX thấy rằng đề nghị của Kiểm sát viên đại diện VKSND tỉnh Điện Biên về tội danh, Điều luật áp dụng, mức hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo trong vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Quan điểm của người bào chữa:

Tại phiên tòa, những người bào chữa đã phân tích tính chất của vụ án, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, nêu ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo do mình tham gia bào chữa. Những người bào chữa cơ bản nhất trí về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt theo quan điểm của Kiểm sát viên.

Tuy nhiên, Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh H đề nghị không áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 52 BLHS về tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 2 lần trở lên*” đối với Nguyễn Thanh H.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Sinh A P1 đề nghị áp dụng điểm r Khoản 1 Điều 51 BLHS “*Người phạm tội tự thú*” đối với bị cáo Sinh A P1.

Quan điểm của Luật sư đã được Kiểm sát viên đối đáp, quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa. HĐXX thấy rằng: Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Quan điểm của Kiểm sát viên; quan điểm của người bào chữa và Luật sư đồng thuận với nhau, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với số tiền lãi chênh lệch được 4.000.000 đồng của bị cáo P1 và số tiền lãi được 1.000.000 đồng do bị cáo T và T1 bán ma túy cho Nguyễn Thanh H mà có, sau đó các bị cáo T và T1 đã chi tiêu cá nhân hết. Bị cáo Hải sau khi mua được ma túy từ T và T1 mang về sử dụng, bán lẻ cho nhiều người với giá 70.000 đồng/01 viên, số tiền lãi bán được ma túy bị cáo H đã chi tiêu cá nhân hết.

HĐXX nhận thấy, các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền, nên Hội đồng xét xử cần miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo và không truy thu số tiền do các bị cáo phạm tội mà có.

Trong vụ án còn thể hiện theo lời khai của P1 đối tượng Hờ A Ch3 (người đàn ông Quốc tịch Lào) là người đã bán 05 túi ma túy cho P1 và theo lời khai của H là các đối tượng Phạm Văn Ng, Trần Huy H1 là những người đã được H cho sử dụng ma túy và Trần Quốc V là người đã cung cấp số điện thoại của T để H liên lạc, trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra không có đủ căn cứ xác minh nên không xem xét trong vụ án này.

[7] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành như chất ma túy còn lại cần tịch thu để tiêu hủy; vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội như xe máy, điện thoại di động cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước (Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/5/2019 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành Dân sự tỉnh Điện Biên).

Tài sản tạm giữ là chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA (DREAM) biển kiểm soát 27B1-102.92 tạm giữ của Nguyễn Thanh H và chiếc điện thoại di động hiệu HONOR, tạm giữ của Vàng A T, quá trình điều tra xác định xe máy là của Trần Thế H2 cho H mượn; điện thoại di động là của Lầu Thị O cho T mượn; Trần Thế H2, Lầu Thị O không có lỗi, không biết việc H và T đã dùng vào việc phạm tội, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 70 và số 72 ngày 10/5/2019 trả cho Trần Thế H2 và Lầu Thị O. Số tiền 9.000.000 đồng được xác định là của bà Vương Thị Ch2 cho H vay để mua xe máy, cơ quan điều tra đã ra Quyết định số 71 ngày 10/5/2019 trả lại cho bà Ch2.

[8] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc hai bị cáo Vàng A T và Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo Sùng A T1 và bị cáo Sinh A P1.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và Luật sư, người bào chữa cho các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan; người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b Khoản 3 Điều 251; điểm s, điểm r Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vàng A T, Sùng A T1, Sinh A P1, Nguyễn Thanh H phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 251; điểm r, điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 BLHS.

Xử phạt bị cáo Vàng A T 18 (Mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 04/7/2018).

- Áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 251; điểm s, điểm r Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 BLHS.

Xử phạt bị cáo Sùng A T1 18 (Mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 04/7/2018).

- Áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 251; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58 BLHS.

Xử phạt bị cáo Sinh A P1 18 (Mười tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 12/8/2018).

- Áp dụng điểm b Khoản 3 Điều 251; điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 15; Điều 17; Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 04/7/2018).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 (một) phong bì niêm phong vật chứng của cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Điện Biên. Mặt trước của phong bì niêm phong có dán tờ giấy in chữ đánh máy: “Vật chứng thu giữ của:

1/ Sùng A T1 – sinh năm: 1994, trú tại: Bản C, xã Ch, huyện Đ1, tỉnh Điện Biên.

2/ Vàng A T – sinh năm: 1994, trú tại: Bản P, xã M, TP. Đ, tỉnh Điện Biên.

Vật chứng gồm: 03 túi viên nén màu hồng, màu xanh nghi là ma túy tổng hợp, tổng cộng = 587 viên = 60,12 gam, đã trích tổng = 18 viên = 2,16 gam gửi giám định. Tổng còn lại = 569 viên = 57,96 gam.

Tại bản kết luận giám định số: 694/GĐ-PC54 ngày 11/7/2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: 3 mẫu viên nén màu hồng và màu xanh được trích ra từ vật chứng thu giữ của Vàng A T và Sùng A T1 gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine.

*** Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:**

- 01 chiếc xe máy, hiệu HONDA WAVE RSX Fi màu sơn đen xám, không có biển kiểm soát, số khung: RLHJA3820GY105089, số máy: JA38E-0212421. Xe cũ đã qua sử dụng.

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE màu trắng, đã qua sử dụng (thu giữ của Sinh A P1).

- 01 chiếc điện thoại di động bàn phím màu đen, nhãn hiệu FPT, đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE màu trắng đã qua sử dụng (thu giữ của Sùng A T1).

*** Trả lại cho bị cáo Vàng A T:**

- 01 giấy CMND số: 040826883 mang tên Vàng A T.

- 01 giấy phép lái xe số: 110163000626 mang tên Vàng A T.

- 01 giấy chứng nhận quân nhân số: 121116148265 mang tên Vàng A T.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 23/5/2019).

4. Về án phí:

- Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc hai bị cáo Vàng A T và Nguyễn Thanh H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo Sinh A P1 và Sùng A T1.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/7/2019) lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Những người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã M (T/báo);
- UBND xã Ch (T/báo)
- UBND xã P2 (T/báo)
- UBND xã Ph (T/báo)
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Sùng A Xà